

Hà Nội, ngày 9 tháng 12 năm 2024

Số: 896 /QĐ-NXBGDVN

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu
Dự toán mua sắm: In Sách giáo dục phục vụ năm học 2025-2026

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH MTV NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/2/2024 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/04/2024 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT ngày 17/11/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

Căn cứ Điều lệ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (NXBGDVN) ban hành kèm theo Quyết định số 1919/QĐ-BGDĐT ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 666/QĐ-NXBGDVN ngày 13/9/2024 của Tổng Giám đốc NXBGDVN về việc thành lập Ban chỉ đạo công tác In – Phát hành Sách giáo dục phục vụ năm học 2025-2026;

Căn cứ Nghị quyết số 106/NQ-HĐTV ngày 16/9/2024 của Hội đồng thành viên NXBGDVN về việc thông qua phương thức mua sắm dịch vụ in SGD theo hình thức đấu thầu rộng rãi trong nước (bao gồm: vật tư giấy, hộp các tông và dịch vụ in) phục vụ năm học 2025-2026;

Căn cứ Nghị quyết số 154/NQ-HĐTV ngày 22/11/2024 của Hội đồng thành viên NXBGDVN phê duyệt Kế hoạch in sách giáo dục phục vụ năm học 2025-2026;

Căn cứ Quyết định của 839/QĐ-NXBGDVN ngày 22/11/2024 của Tổng Giám đốc NXBGDVN về việc Ban hành Kế hoạch sản lượng in SGD phục vụ năm học 2025-2026 của NXBGDVN;

Căn cứ Nghị quyết số 155/NQ-HĐTV ngày 26/11/2024 của Hội đồng thành viên NXBGDVN về việc thông qua dự toán in Sách giáo dục phục vụ năm học 2025-2026;

Căn cứ Quyết định số 848/QĐ-NXBGDVN ngày 26/11/2024 của Tổng Giám đốc NXBGDVN về việc phê duyệt dự toán các gói thầu mua sắm dịch vụ in Sách giáo dục theo

hình thức đấu thầu rộng rãi trong nước thực hiện qua mạng (bao gồm: vật tư giấy, hộp các tông và dịch vụ in) phục vụ năm học 2025-2026 thuộc dự toán mua sắm: In sách giáo dục phục vụ năm học 2025-2026;

Căn cứ Tờ trình số 2239/TTr-NXBGDVN ngày 26/11/2024 của Tổng Giám đốc NXBGDVN về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự toán mua sắm: In Sách giáo dục phục vụ năm học 2025-2026;

Căn cứ Giấy ủy quyền số 2258/GUQ-NXBGDVN ngày 28/11/2024 của Tổng Giám đốc NXBGDVN;

Căn cứ Báo cáo thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự toán mua sắm: In Sách giáo dục phục vụ năm học 2025-2026 số 46-1/2024/BCTĐ-CNC.TL ngày 6/12/2024 của Công ty Cổ phần Coninco – Thăng Long;

Căn cứ Nghị quyết số 172/NQ-HĐTV ngày 09/12/2024 của Hội đồng thành viên NXBGDVN về việc thông qua Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự toán mua sắm: In Sách giáo dục phục vụ năm học 2025-2026;

Theo đề nghị của Ban Kế hoạch Đấu thầu tại tờ trình số 45/TTr-KHĐT ngày 26/11/2024 của ban KHĐT về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự toán mua sắm: In Sách giáo dục phục vụ năm học 2025-2026 của NXBGDVN và đề nghị của ban Kiểm soát và Pháp chế tại báo cáo số 42/BC-KSPC ngày 09/12/2024 về việc báo cáo tổng hợp kết quả thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự toán mua sắm: In Sách giáo dục phục vụ năm học 2025-2026,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự toán mua sắm: In Sách giáo dục phục vụ năm học 2025-2026 với nội dung chi tiết theo Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Ông Ngô Văn Hoan chịu trách nhiệm tổ chức giám sát hoạt động đấu thầu được giao theo Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng ban Kiểm soát và Pháp chế, Trưởng ban Kế hoạch Đấu thầu, Trưởng ban Tài chính - Kế toán, Trưởng ban Kế hoạch Kinh doanh và các Ban, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 2,3;
- HĐTV, TGD (để báo cáo);
- TBKS, P.TGD Phùng Ngọc Hồng, KTT;
- Các Ban: TCKT, KHĐT, KSPC, KHKD;
- P-Office;
- Website: <https://muasamcong.mpi.gov.vn>;
- Lưu: VT.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Phùng Ngọc Hồng

PHỤ LỤC

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Dự toán mua sắm: In Sách giáo dục phục vụ năm học 2025-2026

(kèm theo Quyết định số 896/QĐ-NXBGDVN ngày 09 tháng 12 năm 2024)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu										
1	Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Gói thầu 01 - In Sách giáo dục phục vụ năm học 2025-2026 nhập tại kho Hà Nội	In Sách giáo dục phục vụ năm học 2025-2026 nhập tại kho Hà Nội	667.009.940.517	Sản xuất kinh doanh của NXBGDVN	Đấu thầu rộng rãi trong nước, thực hiện qua mạng	Một giai đoạn một túi hồ sơ	120 ngày	Quý I/2025	Hợp đồng theo đơn giá cố định	135 ngày	Không áp dụng	Ông Ngô Văn Hoan Điện thoại: 0903248622, Địa chỉ: số 81 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
2	Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Gói thầu 02 - In Sách giáo dục phục vụ năm học 2025-2026 nhập tại kho Đà Nẵng	In Sách giáo dục phục vụ năm học 2025-2026 nhập tại kho Đà Nẵng	217.466.434.053	Sản xuất kinh doanh của NXBGDVN	Đấu thầu rộng rãi trong nước, thực hiện qua mạng	Một giai đoạn một túi hồ sơ	120 ngày	Quý I/2025	Hợp đồng theo đơn giá cố định	135 ngày	Không áp dụng	Ông Ngô Văn Hoan Điện thoại: 0903248622, Địa chỉ: số 81 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

[illegible]

MÔ TẢ CHI TIẾT

Dự toán mua sắm: In Sách giáo dục phục vụ năm học 2025-2026.

1. Tên dự toán mua sắm: Dự toán mua sắm: In Sách giáo dục phục vụ năm học 2025-2026.
2. Giá trị dự toán: Giá trị dự toán đã bao gồm thuế GTGT với thuế suất 8% là: **1.636.273.790.033** đồng (*Bằng chữ: Một nghìn sáu trăm ba mươi sáu tỉ, hai trăm bảy mươi ba triệu, bảy trăm chín mươi nghìn, không trăm ba mươi ba đồng*) (giá dự toán các phần thầu theo bảng đính kèm).
3. Chủ đầu tư (kiêm Bên mời thầu): Công ty TNHH một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (NXBGDVN).
4. Nguồn vốn: Sản xuất kinh doanh của NXBGDVN. Phân loại KHLCNT (tại Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia): Khác.
5. Thời gian thực hiện dự toán mua sắm: năm 2025.
6. Địa điểm, quy mô, thời gian thực hiện dự toán
 - a. Địa điểm: Nhập tại kho tại Hà Nội, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh, Cần Thơ
 - b. Quy mô: Dự toán mua sắm gồm 04 gói thầu với 252 phần thầu:
 - Tổng số bản: 225.735.624 (bản).
 - Tổng số trang thành phẩm (ruột + bìa) nguyên khổ: 24.332.350.332 (trang).
 - Tổng số tên sách: 2.532 (tên sách).
 - Các gói thầu, phần thầu cụ thể như sau:
 - * **Gói thầu 01 - In Sách giáo dục phục vụ năm học 2025 - 2026 nhập tại kho Hà Nội**
 - Tên gói thầu: In Sách giáo dục phục vụ năm học 2025 - 2026 nhập tại kho Hà Nội.
 - Tổng số bản: 91.748.024 (bản).
 - Tổng số tên sách: 691 (tên sách).
 - Tổng số trang thành phẩm (ruột + bìa) nguyên khổ: 10.009.503.532 (trang).
 - Tên hàng hóa, dịch vụ: In Sách giáo dục phục vụ năm học 2025 – 2026 nhập tại kho Hà Nội.
 - Số hiệu gói mua sắm: INSGD2025G01.
 - Gói thầu 01 gồm 102 phần thầu độc lập in Sách giáo dục phục vụ năm học 2025 - 2026 nhập tại kho Hà Nội.
 - Thời gian thực hiện gói thầu: 135 ngày.
 - * **Gói thầu 02 - In Sách giáo dục phục vụ năm học 2025 - 2026 nhập tại kho Đà Nẵng**
 - Tên gói thầu: In Sách giáo dục phục vụ năm học 2025 - 2026 nhập tại kho Đà Nẵng.
 - Tổng số bản: 30.474.800 (bản).
 - Tổng số tên sách: 544 (tên sách).
 - Tổng số trang thành phẩm (ruột + bìa) nguyên khổ: 3.261.139.200 (trang).
 - Tên hàng hóa, dịch vụ: In Sách giáo dục phục vụ năm học 2025 – 2026 nhập tại kho Đà Nẵng.
 - Số hiệu gói mua sắm: INSGD2025G02.

- Gói thầu 02 gồm 30 phần thầu độc lập in Sách giáo dục phục vụ năm học 2025 - 2026 nhập tại kho Đà Nẵng.

- Thời gian thực hiện gói thầu: 135 ngày.

*** Gói thầu 03 - In Sách giáo dục phục vụ năm học 2025 - 2026 nhập tại kho TP. Hồ Chí Minh.**

- Tên gói thầu: In Sách giáo dục phục vụ năm học 2025 - 2026 nhập tại kho TP. Hồ Chí Minh.

- Tổng số bản: 77.560.500 (bản).

- Tổng số tên sách: 710 (tên sách).

- Tổng số trang thành phẩm (ruột + bìa) nguyên khổ: 8.320.738.000 (trang).

- Tên hàng hóa, dịch vụ: In Sách giáo dục phục vụ năm học 2025 – 2026 nhập tại kho TP. Hồ Chí Minh.

- Số hiệu gói mua sắm: INSGD2025G03.

- Gói thầu 03 gồm 90 phần thầu độc lập in Sách giáo dục phục vụ năm học 2025 - 2026 nhập tại kho TP. Hồ Chí Minh.

- Thời gian thực hiện gói thầu: 135 ngày.

*** Gói thầu 04 - In Sách giáo dục phục vụ năm học 2025 - 2026 nhập tại kho Cần Thơ**

- Tên gói thầu: In Sách giáo dục phục vụ năm học 2025 - 2026 nhập tại kho Cần Thơ.

- Tổng số bản: 25.952.300 (bản).

- Tổng số tên sách: 587 (tên sách).

- Tổng số trang thành phẩm (ruột + bìa) nguyên khổ: 2.740.969.600 (trang).

- Tên hàng hóa, dịch vụ: In Sách giáo dục phục vụ năm học 2025 – 2026 nhập tại kho Cần Thơ.

- Số hiệu gói mua sắm: INSGD2025G04.

- Gói thầu 04 gồm 30 phần thầu độc lập in Sách giáo dục phục vụ năm học 2025 - 2026 nhập tại kho Cần Thơ.

- Thời gian thực hiện gói thầu: 135 ngày.

c. Thời gian thực hiện

Thời gian thực hiện gói thầu: 135 ngày, bao gồm:

- Thời gian giao hàng, hoàn thành dịch vụ: Trong vòng 125 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực Nhà thầu phải giao toàn bộ hàng hóa đến địa điểm do Chủ đầu tư chỉ định. Thời gian giao hàng được chia thành 03 mốc và quy định khối lượng hàng hóa tối thiểu phải giao. Tại từng mốc giao hàng, Nhà thầu không giao được đầy đủ số lượng hàng hóa đảm bảo chất lượng theo quy định (bao gồm cả việc đổi trả hàng hóa không đạt chất lượng nếu có) bị tính là giao hàng chậm. Nếu giao hàng chậm Nhà thầu sẽ phải bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định chi tiết tại Hợp đồng ký giữa hai bên.

- Thời gian đổi hàng mới, khắc phục các hư hỏng, sai sót... do lỗi của Nhà thầu (nếu có): trong vòng 10 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư và Nhà thầu xác nhận sự việc, Nhà thầu có trách nhiệm hoàn thành đổi hàng mới cho Chủ đầu tư.

GIÁ DỰ TOÁN CÁC PHẦN THẦU

Gói thầu 01 - In Sách giáo dục phục vụ năm học 2025-2026 nhập tại kho Hà Nội

TT	Tên phần thầu	Số tên sách	Tổng số bản	Số trang thành phẩm (ruột + bìa) nguyên khổ	Giá dự toán (đồng)
TỔNG CỘNG		691	91.748.024	10.009.503.532	667.009.940.517
1	HN-Phần 1	8	1.172.076	113.086.412	6.108.763.088
2	HN-Phần 2	8	1.289.037	111.811.636	6.044.513.980
3	HN-Phần 3	8	1.019.207	109.509.180	6.291.150.940
4	HN-Phần 4	7	1.146.296	113.842.448	6.148.031.485
5	HN-Phần 5	8	1.106.138	112.627.336	6.217.835.316
6	HN-Phần 6	8	1.505.544	108.815.792	6.306.479.197
7	HN-Phần 7	8	1.288.148	109.601.608	6.377.840.023
8	HN-Phần 8	8	1.123.333	106.758.188	6.332.658.510
9	HN-Phần 9	8	1.221.256	106.970.076	5.943.136.255
10	HN-Phần 10	8	1.428.149	113.643.040	6.161.178.557
11	HN-Phần 11	8	1.214.120	108.448.452	6.328.128.321
12	HN-Phần 12	8	1.422.900	113.977.108	6.107.578.611
13	HN-Phần 13	8	1.483.949	114.044.604	6.293.569.155
14	HN-Phần 14	8	1.177.430	112.019.516	6.127.282.806
15	HN-Phần 15	8	933.754	109.708.152	6.427.407.755
16	HN-Phần 16	8	1.195.111	108.147.016	6.214.359.150
17	HN-Phần 17	8	1.073.465	107.550.820	6.299.614.315
18	HN-Phần 18	8	1.100.688	110.090.208	6.492.400.846
19	HN-Phần 19	8	1.099.156	112.813.176	6.236.117.967
20	HN-Phần 20	8	1.224.307	109.788.888	6.252.907.561
21	HN-Phần 21	8	1.437.351	112.500.660	6.347.877.786
22	HN-Phần 22	7	960.745	107.282.676	6.310.510.262
23	HN-Phần 23	8	1.306.868	112.245.748	6.388.899.538
24	HN-Phần 24	8	1.156.541	111.167.460	6.295.784.832
25	HN-Phần 25	8	1.122.557	108.406.596	6.345.467.406
26	HN-Phần 26	8	1.125.611	107.003.516	6.320.729.308

TT	Tên phần thầu	Số tên sách	Tổng số bản	Số trang thành phẩm (ruột + bìa) nguyên khổ	Giá dự toán (đồng)
27	HN-Phần 27	8	1.158.970	107.317.240	6.314.703.974
28	HN-Phần 28	8	1.093.423	110.962.556	6.443.263.916
29	HN-Phần 29	8	1.145.583	110.629.108	6.506.985.592
30	HN-Phần 30	8	999.994	115.158.616	5.996.020.447
31	HN-Phần 31	8	1.098.720	115.366.944	6.266.207.231
32	HN-Phần 32	8	1.040.868	115.639.984	6.084.777.278
33	HN-Phần 33	7	1.018.569	110.641.384	6.519.077.407
34	HN-Phần 34	8	985.809	111.272.580	6.289.198.116
35	HN-Phần 35	7	829.591	110.938.784	6.468.245.074
36	HN-Phần 36	8	934.042	107.079.888	6.304.115.151
37	HN-Phần 37	7	840.471	94.785.308	6.956.679.065
38	HN-Phần 38	8	980.921	101.275.196	6.673.767.366
39	HN-Phần 39	7	880.072	96.066.832	7.045.961.795
40	HN-Phần 40	5	746.256	92.778.980	6.724.067.721
41	HN-Phần 41	6	835.192	90.493.664	6.621.207.214
42	HN-Phần 42	6	809.331	94.923.664	6.962.036.015
43	HN-Phần 43	6	790.723	95.877.164	7.003.165.640
44	HN-Phần 44	6	801.488	94.231.168	6.927.520.523
45	HN-Phần 45	6	776.675	94.033.196	6.937.663.413
46	HN-Phần 46	6	794.401	88.940.752	6.621.079.354
47	HN-Phần 47	6	827.000	93.748.000	6.978.603.678
48	HN-Phần 48	6	899.299	95.296.452	6.985.184.266
49	HN-Phần 49	6	651.792	89.390.368	6.596.423.821
50	HN-Phần 50	6	739.005	86.629.584	6.316.618.646
51	HN-Phần 51	6	645.794	90.466.336	6.691.063.441
52	HN-Phần 52	7	737.478	91.656.840	6.780.313.974
53	HN-Phần 53	6	810.244	91.286.964	6.679.888.073
54	HN-Phần 54	6	641.551	90.359.968	6.650.593.168

TT	Tên phần thầu	Số tên sách	Tổng số bản	Số trang thành phẩm (ruột + bìa) nguyên khổ	Giá dự toán (đồng)
55	HN-Phần 55	6	806.808	89.082.828	6.498.431.985
56	HN-Phần 56	6	638.959	95.597.220	7.036.778.833
57	HN-Phần 57	6	828.122	94.856.796	7.041.996.544
58	HN-Phần 58	6	877.917	95.639.324	7.036.812.798
59	HN-Phần 59	6	757.057	85.374.960	6.263.140.088
60	HN-Phần 60	6	808.051	90.307.116	6.565.349.246
61	HN-Phần 61	6	794.858	95.799.760	6.956.662.236
62	HN-Phần 62	6	870.694	90.647.744	6.557.686.901
63	HN-Phần 63	6	764.623	90.222.640	6.517.983.955
64	HN-Phần 64	6	625.355	91.750.064	6.714.349.701
65	HN-Phần 65	6	811.976	91.540.988	6.653.190.774
66	HN-Phần 66	6	688.625	82.915.388	6.072.976.072
67	HN-Phần 67	6	694.340	95.400.032	6.980.610.391
68	HN-Phần 68	6	842.163	88.665.964	6.413.567.609
69	HN-Phần 69	6	623.876	89.765.392	6.606.916.615
70	HN-Phần 70	6	550.950	86.978.848	6.356.871.662
71	HN-Phần 71	6	968.177	94.510.848	6.823.860.468
72	HN-Phần 72	6	792.871	90.154.712	6.568.235.735
73	HN-Phần 73	6	634.790	88.483.640	6.531.021.806
74	HN-Phần 74	6	704.931	84.715.580	6.258.428.837
75	HN-Phần 75	6	662.059	91.795.552	6.791.588.222
76	HN-Phần 76	6	732.895	90.628.672	6.708.099.932
77	HN-Phần 77	6	659.919	90.398.920	6.677.096.546
78	HN-Phần 78	6	577.950	91.691.000	6.752.490.750
79	HN-Phần 79	6	616.164	91.109.116	6.732.765.840
80	HN-Phần 80	6	755.065	90.213.116	6.673.600.904
81	HN-Phần 81	6	855.371	85.584.476	6.166.021.449
82	HN-Phần 82	6	827.241	94.333.196	6.927.431.039

TT	Tên phần thầu	Số tên sách	Tổng số bản	Số trang thành phẩm (ruột + bìa) nguyên khổ	Giá dự toán (đồng)
83	HN-Phần 83	6	675.738	93.616.280	6.899.091.376
84	HN-Phần 84	6	633.620	93.181.680	6.814.781.963
85	HN-Phần 85	6	663.000	95.780.000	7.063.831.708
86	HN-Phần 86	6	605.106	95.085.264	7.001.209.038
87	HN-Phần 87	6	620.266	86.436.512	6.388.817.201
88	HN-Phần 88	6	687.261	88.828.716	6.510.722.029
89	HN-Phần 89	6	793.000	93.780.000	6.879.808.836
90	HN-Phần 90	6	858.337	90.140.980	6.581.704.283
91	HN-Phần 91	6	769.912	91.184.400	6.683.837.671
92	HN-Phần 92	6	799.341	91.672.768	6.743.713.602
93	HN-Phần 93	7	1.041.009	91.381.748	6.769.501.435
94	HN-Phần 94	6	736.101	92.262.180	6.765.696.589
95	HN-Phần 95	7	813.426	86.803.608	6.362.220.975
96	HN-Phần 96	6	708.867	84.959.408	6.218.570.786
97	HN-Phần 97	7	820.576	95.040.896	7.071.502.890
98	HN-Phần 98	7	844.064	86.423.820	6.324.778.736
99	HN-Phần 99	7	769.308	93.672.232	6.855.778.442
100	HN-Phần 100	7	850.425	89.898.804	6.572.472.823
101	HN-Phần 101	7	718.432	87.535.616	6.352.437.280
102	HN-Phần 102	6	721.429	84.546.896	6.200.841.587

Gói thầu 02 - In Sách giáo dục phục vụ năm học 2025-2026 nhập tại kho Đà Nẵng

TT	Tên phần thầu	Số tên sách	Tổng số bản	Số trang thành phẩm (ruột + bìa) nguyên khổ	Giá dự toán (đồng)
TỔNG CỘNG		544	30.474.800	3.261.139.200	217.466.434.053
1	ĐN-Phần 1	17	948.800	104.179.600	6.898.322.641
2	ĐN-Phần 2	21	1.090.700	104.260.000	6.905.572.563

TT	Tên phần thầu	Số tên sách	Tổng số bản	Số trang thành phẩm (ruột + bìa) nguyên khổ	Giá dự toán (đồng)
3	ĐN-Phần 3	18	1.084.800	108.986.800	7.255.700.125
4	ĐN-Phần 4	17	946.900	106.913.600	7.110.461.249
5	ĐN-Phần 5	18	1.278.800	106.381.200	6.896.587.843
6	ĐN-Phần 6	18	948.400	105.582.800	6.932.469.978
7	ĐN-Phần 7	14	928.000	106.878.000	7.118.535.231
8	ĐN-Phần 8	16	1.142.700	107.530.400	6.955.091.524
9	ĐN-Phần 9	18	1.323.500	105.282.400	6.963.204.323
10	ĐN-Phần 10	14	905.100	106.217.600	7.143.251.413
11	ĐN-Phần 11	17	857.700	104.764.800	7.268.612.402
12	ĐN-Phần 12	14	1.123.700	111.162.400	7.541.034.651
13	ĐN-Phần 13	22	1.010.600	109.224.400	7.263.574.413
14	ĐN-Phần 14	22	1.081.200	109.727.600	7.705.616.612
15	ĐN-Phần 15	19	999.200	105.892.800	7.055.553.179
16	ĐN-Phần 16	16	1.116.700	111.454.800	7.289.920.409
17	ĐN-Phần 17	19	1.091.300	109.444.000	7.114.932.049
18	ĐN-Phần 18	19	885.600	105.451.200	7.179.963.352
19	ĐN-Phần 19	19	990.600	108.902.800	7.412.705.789
20	ĐN-Phần 20	17	907.600	103.331.600	6.753.992.106
21	ĐN-Phần 21	19	1.064.400	110.988.800	7.214.782.393
22	ĐN-Phần 22	18	972.400	103.580.400	7.130.320.955
23	ĐN-Phần 23	14	914.300	112.129.200	7.475.132.806
24	ĐN-Phần 24	23	981.600	120.080.800	7.761.980.331
25	ĐN-Phần 25	17	872.400	105.574.800	7.333.480.068
26	ĐN-Phần 26	15	967.400	108.804.000	7.237.402.199
27	ĐN-Phần 27	18	860.800	115.641.600	7.869.454.976
28	ĐN-Phần 28	20	1.182.100	112.539.200	7.459.668.854
29	ĐN-Phần 29	22	1.049.800	118.285.200	7.774.368.566
30	ĐN-Phần 30	23	947.700	111.946.400	7.444.741.053

Gói thầu 03- In Sách giáo dục phục vụ năm học 2025-2026 nhập tại kho TP. Hồ Chí Minh

TT	Tên phần thầu	Số tên sách	Tổng số bản	Số trang thành phẩm (ruột + bìa) nguyên khổ	Giá dự toán (đồng)
TỔNG CỘNG		710	77.560.500	8.320.738.000	565.270.504.166
1	HCM-Phần 1	8	646.000	80.352.000	5.893.452.816
2	HCM-Phần 2	8	720.000	75.364.000	5.469.702.064
3	HCM-Phần 3	8	552.000	71.176.000	5.231.228.186
4	HCM-Phần 4	8	524.000	69.852.000	5.102.597.236
5	HCM-Phần 5	8	586.000	74.144.000	5.414.241.702
6	HCM-Phần 6	7	624.000	72.308.000	5.325.158.276
7	HCM-Phần 7	9	679.000	78.100.000	5.689.089.574
8	HCM-Phần 8	8	848.000	78.144.000	5.640.293.556
9	HCM-Phần 9	8	650.000	68.496.000	5.028.415.858
10	HCM-Phần 10	7	702.000	75.928.000	5.574.527.492
11	HCM-Phần 11	8	839.000	72.888.000	5.282.690.022
12	HCM-Phần 12	8	534.000	75.716.000	5.561.020.858
13	HCM-Phần 13	8	457.000	73.004.000	5.360.279.318
14	HCM-Phần 14	8	516.000	67.972.000	4.996.171.820
15	HCM-Phần 15	8	928.000	72.300.000	5.171.524.246
16	HCM-Phần 16	8	852.000	79.796.000	5.802.761.298
17	HCM-Phần 17	8	710.000	69.060.000	5.061.132.622
18	HCM-Phần 18	8	763.000	79.056.000	5.766.956.066
19	HCM-Phần 19	8	652.000	69.352.000	5.104.043.502
20	HCM-Phần 20	8	575.000	67.768.000	4.969.607.600
21	HCM-Phần 21	7	646.000	72.828.000	5.262.721.376
22	HCM-Phần 22	8	622.000	77.092.000	5.687.229.654
23	HCM-Phần 23	7	760.000	80.200.000	5.859.249.964
24	HCM-Phần 24	8	950.000	72.324.000	5.291.898.240
25	HCM-Phần 25	8	786.000	72.812.000	5.296.658.220
26	HCM-Phần 26	8	767.000	69.272.000	5.063.196.868
27	HCM-Phần 27	8	572.000	70.252.000	5.123.939.833

TT	Tên phần thầu	Số tên sách	Tổng số bản	Số trang thành phẩm (ruột + bìa) nguyên khổ	Giá dự toán (đồng)
28	HCM-Phần 28	8	800.000	83.732.000	6.007.635.042
29	HCM-Phần 29	7	658.000	85.212.000	6.308.432.364
30	HCM-Phần 30	7	955.000	89.648.000	6.536.762.098
31	HCM-Phần 31	11	1.143.000	110.776.000	5.541.322.400
32	HCM-Phần 32	10	1.235.000	111.208.000	5.557.770.450
33	HCM-Phần 33	10	1.251.000	117.104.000	6.388.851.146
34	HCM-Phần 34	10	1.224.000	114.116.000	5.730.701.510
35	HCM-Phần 35	10	1.116.000	115.804.000	5.754.603.380
36	HCM-Phần 36	10	1.156.000	112.660.000	5.661.523.200
37	HCM-Phần 37	10	1.171.000	112.876.000	5.624.785.366
38	HCM-Phần 38	6	794.000	102.704.000	6.832.186.202
39	HCM-Phần 39	9	1.049.000	112.752.000	5.640.578.160
40	HCM-Phần 40	7	1.000.000	95.300.000	6.500.584.136
41	HCM-Phần 41	8	1.107.000	88.176.000	6.323.946.888
42	HCM-Phần 42	8	843.000	92.868.000	6.709.560.044
43	HCM-Phần 43	8	1.057.000	91.500.000	6.678.157.633
44	HCM-Phần 44	7	1.107.000	97.204.000	6.862.782.184
45	HCM-Phần 45	8	677.000	89.676.000	6.592.273.164
46	HCM-Phần 46	8	947.000	92.308.000	6.584.744.258
47	HCM-Phần 47	8	854.000	97.424.000	6.994.865.508
48	HCM-Phần 48	8	915.000	91.440.000	6.438.601.744
49	HCM-Phần 49	8	964.000	91.332.000	6.523.926.494
50	HCM-Phần 50	7	666.000	96.260.000	6.316.415.476
51	HCM-Phần 51	8	924.000	93.352.000	6.774.561.986
52	HCM-Phần 52	7	813.000	94.360.000	6.492.276.082
53	HCM-Phần 53	8	753.000	92.400.000	6.790.014.748
54	HCM-Phần 54	6	767.000	90.552.000	6.323.543.770
55	HCM-Phần 55	7	926.000	100.572.000	6.667.678.862
56	HCM-Phần 56	8	607.000	90.808.000	6.428.608.802

35
 VG
 EM
 AN
 JÁ
 OD
 FN

N

TT	Tên phần thầu	Số tên sách	Tổng số bản	Số trang thành phẩm (ruột + bìa) nguyên khổ	Giá dự toán (đồng)
57	HCM-Phần 57	8	1.262.000	99.920.000	6.374.737.234
58	HCM-Phần 58	7	980.000	99.780.000	6.764.219.328
59	HCM-Phần 59	8	867.000	95.708.000	6.643.618.842
60	HCM-Phần 60	8	1.007.000	97.720.000	6.738.765.656
61	HCM-Phần 61	7	860.000	97.148.000	6.644.668.536
62	HCM-Phần 62	8	609.000	84.476.000	5.959.924.824
63	HCM-Phần 63	7	1.028.000	104.212.000	6.704.738.144
64	HCM-Phần 64	7	765.000	102.040.000	6.630.525.928
65	HCM-Phần 65	7	617.000	92.256.000	6.448.499.900
66	HCM-Phần 66	7	732.000	97.628.000	6.559.885.406
67	HCM-Phần 67	7	996.000	96.172.000	6.219.877.156
68	HCM-Phần 68	8	835.000	97.368.000	6.518.614.943
69	HCM-Phần 69	7	943.000	96.200.000	6.632.596.486
70	HCM-Phần 70	8	1.045.000	101.496.000	6.799.164.140
71	HCM-Phần 71	7	733.000	92.668.000	6.251.941.634
72	HCM-Phần 72	7	1.045.000	93.408.000	6.411.121.190
73	HCM-Phần 73	7	769.000	96.324.000	6.202.999.752
74	HCM-Phần 74	8	1.010.000	127.464.000	6.306.041.570
75	HCM-Phần 75	7	820.000	99.404.000	7.150.421.712
76	HCM-Phần 76	7	892.000	123.520.000	6.132.399.010
77	HCM-Phần 77	8	931.000	100.032.000	7.217.385.320
78	HCM-Phần 78	7	665.000	108.996.000	7.363.067.352
79	HCM-Phần 79	8	902.000	102.892.000	7.342.562.198
80	HCM-Phần 80	8	702.000	102.760.000	7.443.226.614
81	HCM-Phần 81	8	924.000	103.308.000	7.517.177.712
82	HCM-Phần 82	9	1.065.000	108.740.000	7.759.461.610
83	HCM-Phần 83	9	943.000	105.460.000	7.569.837.160
84	HCM-Phần 84	9	1.175.000	105.892.000	7.625.338.320
85	HCM-Phần 85	7	1.236.000	108.808.000	7.734.966.744

TT	Tên phần thầu	Số tên sách	Tổng số bản	Số trang thành phẩm (ruột + bìa) nguyên khổ	Giá dự toán (đồng)
86	HCM-Phần 86	8	1.136.000	106.268.000	7.645.611.230
87	HCM-Phần 87	9	1.053.000	107.128.000	7.804.671.358
88	HCM-Phần 88	8	1.065.500	111.158.000	7.972.363.717
89	HCM-Phần 89	7	1.008.000	106.596.000	7.743.357.022
90	HCM-Phần 90	8	1.001.000	108.108.000	7.819.235.054

Gói thầu 04 - In sách giáo dục phục vụ năm học 2025-2026 nhập tại kho Cần Thơ

TT	Tên phần thầu	Số tên sách	Tổng số bản	Số trang thành phẩm (ruột + bìa) nguyên khổ	Giá dự toán (đồng)
TỔNG CỘNG		587	25.952.300	2.740.969.600	186.526.911.297
1	CT-Phần 1	19	878.700	97.105.200	6.773.006.509
2	CT-Phần 2	19	771.500	85.543.200	5.997.103.086
3	CT-Phần 3	19	888.400	94.217.600	6.211.439.891
4	CT-Phần 4	19	920.700	99.796.000	6.796.312.868
5	CT-Phần 5	19	796.600	90.249.200	6.111.397.251
6	CT-Phần 6	20	785.900	87.163.600	6.197.254.607
7	CT-Phần 7	19	851.500	93.703.600	6.604.736.672
8	CT-Phần 8	19	875.900	91.514.800	6.293.270.773
9	CT-Phần 9	19	903.300	97.028.800	6.613.630.406
10	CT-Phần 10	19	954.600	100.614.400	6.768.662.013
11	CT-Phần 11	19	812.100	87.070.800	5.788.507.835
12	CT-Phần 12	20	900.300	89.556.000	6.215.129.270
13	CT-Phần 13	19	829.300	90.384.800	6.358.502.197
14	CT-Phần 14	20	786.000	88.642.400	6.216.364.714
15	CT-Phần 15	20	961.300	94.531.200	6.357.276.016
16	CT-Phần 16	21	1.021.200	94.012.000	6.707.748.975
17	CT-Phần 17	19	949.200	90.348.000	6.093.950.477
18	CT-Phần 18	20	925.600	99.576.000	6.246.595.249

TT	Tên phần thầu	Số tên sách	Tổng số bản	Số trang thành phẩm (ruột + bìa) nguyên khổ	Giá dự toán (đồng)
19	CT-Phần 19	20	802.900	79.522.400	5.537.371.752
20	CT-Phần 20	21	850.300	86.226.800	6.043.183.859
21	CT-Phần 21	20	883.400	90.436.400	5.937.741.440
22	CT-Phần 22	19	733.600	83.732.000	5.622.626.076
23	CT-Phần 23	20	819.900	89.946.800	5.856.809.046
24	CT-Phần 24	20	795.900	98.521.600	6.645.157.882
25	CT-Phần 25	20	872.100	94.740.000	6.357.856.584
26	CT-Phần 26	20	834.100	89.459.200	6.028.414.775
27	CT-Phần 27	20	799.000	82.456.800	5.843.081.434
28	CT-Phần 28	19	919.000	92.625.200	6.148.468.574
29	CT-Phần 29	19	904.900	92.904.800	6.153.302.544
30	CT-Phần 30	20	925.100	89.340.000	6.002.008.522

